

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tôn Phước Thuận;

ông Tô Ngọc Liêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lương Hữu Nh, sinh ngày 30/4/1968; cư trú số 31, tổ 01, ấp K2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: bà Đoàn Thị Tuyết M, sinh năm 1970; cư trú số 31, tổ 01, ấp K2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, ông Lương Hữu Nh trình bày: ông Nh và bà M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã K cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày đăng ký 22/01/2021.

Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chưa sống chung với nhau. Đến tháng 11 năm 2021 âm lịch, vợ chồng mới sống chung với nhau tại ấp K2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Có lần, ông Nh phát hiện bà M nói chuyện qua điện thoại với người đàn ông khác. Tuy ông Nh có khuyên nhưng bà M chối cãi, có thái độ đập phá nhà cửa, xô, đẩy bàn ghế trong nhà.

Vào tháng 02 năm 2022 âm lịch đến nay, bà M tự ý ly thân với ông Nh, bỏ đi theo người khác, không còn quan tâm ông Nh, cũng như không có ý định trở về tiếp tục chung sống với ông Nh. Nhận thấy, bà M không còn thủy chung làm cho ông Nh không còn tình cảm, mục đích hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. Vì vậy, ông Nh yêu cầu ly hôn với bà M.

Quá trình chung sống, giữa ông Nh và bà M không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên ông Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: ông Nh giữ nguyên yêu cầu ly hôn, cho rằng vợ chồng sống chấp nối, bà M đã bỏ mặc ông Nh 03 lần. Lần thứ ba vào tháng 02 năm 2022 đến nay, bà M bỏ đi theo người khác. Ông Nh không còn liên lạc được nên ông Nh không còn tình cảm với bà M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ông Nh đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà M từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: vợ chồng mâu thuẫn từ việc bất đồng quan điểm sống, bà M không chăm lo gia đình và có mối quan hệ với người đàn ông khác; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, ông Nh xác định không còn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt được.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nh đối với bà M.

Ông Nh cho rằng không có con chung, tài sản và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ông Nh có đơn khởi kiện đối với bà M về yêu cầu ly hôn. Bà M có địa chỉ cư trú tại ấp K2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Giữa ông Nh và bà M có mối quan hệ hôn nhân được xác lập tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã K cấp chứng nhận kết hôn nên quan hệ vợ chồng hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên,

quá trình chung sống, ông Nh cho rằng bà M tự ý rời khỏi nhà, bỏ mặc ông Nh để theo người đàn ông khác, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 02 năm 2022 âm lịch đến nay, làm cho ông Nh không còn tình cảm vợ chồng với bà M. Theo đó, tại biên bản xác minh ngày 16/6/2022 xác định: “bà M còn đăng ký thường trú tại ấp K2, xã K nhưng vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có trở về địa phương, mâu thuẫn giữa ông Nh với bà M thì địa phương không nắm rõ...”. Như vậy, Tòa án xác định việc bà M đang ở nơi khác mà không cho ông Nh biết về địa chỉ chỗ ở mới. Bên cạnh đó, vợ chồng không còn sống chung nhà với nhau mà không ai chịu liên lạc, quan tâm, thăm hỏi lẫn nhau thì thực tế xem như giữa ông Nh và bà M đã bỏ mặc nhau.

[3] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, kết hợp thông báo trực tiếp qua điện thoại, bà M biết việc ông Nh đang yêu cầu ly hôn nhưng bà M không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nh, xem như bà M từ bỏ quyền tự bảo vệ của mình đối với vụ án đang được xem xét, giải quyết. Hơn nữa, Tòa án tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn nhưng bà M không thiện chí hợp tác, đều vắng mặt tại các phiên hòa giải của Tòa án. Đồng thời, ông Nh vẫn giữ nguyên ý kiến và kiên quyết ly hôn với bà M do không còn hòa hợp nhau về tình cảm vợ chồng nên Tòa án xét thấy khả năng hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân của ông Nh với bà M không được bảo đảm.

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông Nh yêu cầu ly hôn với bà M là có căn cứ do vợ chồng đã bỏ mặc nhau dẫn đến không còn tình nghĩa vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nh đối với bà M.

[5] Ông Nh khai nhận không có con chung với bà M, đồng thời ông Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: ông Nh phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Hữu Nh đối với bị đơn bà Đoàn Thị Tuyết M.

1. Ông Lương Hữu Nh được ly hôn với bà Đoàn Thị Tuyết M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày đăng ký 22/01/2021 do Ủy ban nhân dân xã K cấp cho ông Nh và bà M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: ông Lương Hữu Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004575 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Ông Nh có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Bà M vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân